

T, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Số: 80/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Anh Hà Văn Nh**, sinh 1983;

Trú tại: khu Q, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986;

Trú tại: khu Q, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn:* Ông Lê Thành C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Minh NLQ1, sinh năm 1962;

2. Bà Hà Thị Thanh NLQ2, sinh năm 1965;

3. Chị Hoàng Thị NLQ3, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Khu Quế, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Ngân hàng NLQ4;

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Tiến S – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng NLQ4 huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng NLQ4 huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 35, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn Nh và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Anh Nh và chị L có 02 con chung là cháu Hà Giang N, sinh ngày 04/7/2004 và cháu Hà Thị Thanh Nh1, sinh ngày 29/9/2010. Khi ly hôn, cháu N đã thành niên nên anh Nh, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng; chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nh1 đến khi thành niên. Anh Nh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Nh, chị L, anh NLQ1, chị NLQ2, chị NLQ3 và đại diện Ngân hàng NLQ4 trước khi Tòa án tiến hành hòa giải theo Biên bản về việc phân chia tài sản, công nợ ngày 29/11/2022 cụ thể như sau:

2.2.1. *Về tài sản chung, chia tài sản chung khi ly hôn*: Anh Nh và chị L thống nhất thoả thuận có tài sản chung và chia tài sản chung như sau:

Anh Nh được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp IV, diện tích 120m², 01 nhà bếp xây cấp IV, diện tích 15m², kèm theo công trình phụ được xây trên phần đất của hộ ông Hoàng Minh NLQ1 và bà Hà Thị Thanh NLQ2 tại khu Q, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 020898 ngày 20/3/2008.

2.2.2. *Về nợ chung*: Anh Nh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NLQ4 huyện T các khế ước vay tiền gồm:

Khế ước số: 6600000710969494 ngày 24/8/2017 với số tiền nợ gốc là: 25.000.000 VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi phát sinh đến ngày 28/11/2022 là: 108.904 VNĐ (một trăm linh tám nghìn chín trăm linh bốn đồng).

Khế ước số 6600000716219348 ngày 18/9/2019 với số tiền nợ gốc là: 86.000.000 VNĐ (tám mươi sáu triệu đồng), số tiền lãi phát sinh đến ngày: 28/11/2022 là: 18.391.794 VNĐ (mười tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn).

Ngoài ra, kể từ ngày 29/11/2022 đến khi trả hết nợ gốc của 02 (hai) khế ước vay trên, anh Nh còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khoản lãi này sẽ được trả theo kỳ hạn tương ứng với những lần trả tiền nợ gốc.

2.2.3. Về nghĩa vụ thanh toán chênh lệch chia tài sản chung: Anh Nh không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản chung, do chị L không yêu cầu.

2.2.4. Về tài sản riêng, công NLQ1 đóng góp: Anh Nh, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Hà Văn Nh và chị Nguyễn Thị L theo điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nh và chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

